TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2023/DS-PT
Ngày 31/7/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Bình Đảo

Bà Trần Thị Trâm Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị S, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1985 (có mặt);

Ông Trần Tấn L1, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Lô A, căn C, Trung tâm thương mại T, khu phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng: Bà Phan Thảo L2, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp M, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bà Trương Thị Ngọc L - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị S trình bày: Bà có cho hai vợ chồng ông Trần Tấn L1 và bà Trương Thị Ngọc L vay tiền 08 lần tổng cộng là

2.550.000.000 đồng cụ thể ngày 11/8/2020 vay 200.000.000 đồng, ngày 13/8/2020 vay 500.000.000 đồng, ngày 26/02/2021 vay 400.000.000 đồng, ngày 29/02/2021 vay 500.000.000 đồng, ngày 03/4/2021 vay 150.000.000 đồng, ngày 06/4/2021 vay 100.000.000 đồng, ngày 09/4/2021 vay 150.000.000 đồng, ngày 13/4/2021 vay 550.000.000 đồng. Ông L1 và bà L nói vay tiền để đáo hạn Ngân hàng vài ngày hoặc một tuần sẽ trả và sẽ đóng lãi cho bà nhưng từ ngày vay cho đến nay ông L1 và bà L không đóng lãi và trả tiền gốc. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Trần Tấn L1 và bà Trương Thị Ngọc L trả cho bà số tiền 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Từ ngày 03/8/2020 đến ngày 09/8/2021, bà Trương Thị Ngọc L có chuyển trả tiền vay vào tài khoản của bà nhiều lần nhưng các lần chuyển tiền này là do bà L vay khoản tiền khác không liên quan gì đến số tiền vay trên.

Bị đơn bà Trương Thị Ngọc L trình bày: Bà thừa nhận từ ngày 11/8/2020 đến ngày 13/4/2021 bà có vay tiền của bà Phan Thị S tổng cộng 08 lần với số tiền là 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay từ 05 ngày đến 07 ngày là trả, toàn bộ số tiền trên bà đã trả cho bà S như Luật sư trình bày. Ngoài ra, trong khoản thời gian từ năm 2020 đến năm 2021 bà và bà Phan Thị S có vay tiền qua lại với nhau nhiều lần nhưng do tình hình dịch bệnh nên các bên chưa cộng sổ lại, theo như sao kê của Ngân hàng thì bà đã chuyển vào tài khoản của bà S hơn 4.000.000.000 đồng, bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền trên.

Bị đơn ông Trần Tấn L1 trình bày: Từ ngày 11/8/2020 đến ngày 13/4/2021 ông không có vay tiền của bà Phan Thị S, việc vay tiền và làm ăn chung qua lại giữa vợ ông tên Trương Thị Ngọc L và bà Phan Thị S ông không biết nên ông yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị S.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S về việc yêu cầu ông Trần Tấn L1 thanh toán nợ vay.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S, buộc bà Trương Thị Ngọc L thanh toán cho bà Phan Thị S số tiền 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S không yêu cầu tính lãi.

4. Về chi phí giám định: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S chịu chi phí là 300.000 đồng theo biên nhận ngày 12/8/2022 của Phòng K Công an tỉnh K về tiền bồi dưỡng giám định, bà S đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

5. Về án phí: Buộc bà Trương Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

Trả lại cho bà Phan Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.500.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000375 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Theo đơn kháng cáo ngày 24/9/2022 của bị đơn chị Trương Thị Ngọc L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân Tp. Hà Tiên theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S về việc buộc bà trả số tiền 2.550.000.000đ.

* ***Tại phiên tòa phúc thẩm***:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử xét việc hai bên đương sự đều có lời khai thừa nhận các bên có giao dịch vay tiền nhiều lần tổng số là 2.550.000.000 đồng, việc thừa nhận này phù hợp với chứng cứ vay mượn tiền do bà S cung cấp trong hồ sơ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì phía bà S không phải chứng minh.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà L cho rằng đã trả xong các khoản tiền vay mượn của bà S, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của bà L đối với khoản vay

ngày 11/8/2020 bà vay 200.000.000 đồng và khoản vay ngày 13/8/2020 bà vay 500.000.000 đồng của bà S nhưng đã trả xong số tiền vay 700.000.000 đồng và tiền lãi vào tài khoản của bà S tại Ngân hàng S2 chi nhánh phòng G, thời hạn trả tiền vay từ 5 đến 7 ngày là trả (bút lục 41,42,43) và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà vẫn xác nhận như vậy, nhưng đối chiếu với bản sao kê do Ngân hàng S2 chi nhánh phòng G1 không thể hiện khoản tiền bà L trả 700.000.000 đồng sau khi vay các khoản ngày 11 và 13/8/2020 từ 5 đến 7 ngày, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khai nại này của bà L là phù hợp khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm bà L không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với các khoản tiền vay ngày 26/2/2021 bà L vay 400.000.000 đồng bà cho rằng đã trả bằng tiền mặt cho bà S tại vựa ghẹ Mỹ N và khoản vay ngày 29/2/2021 bà L vay 500.000.000 đồng bà L cho rằng đã trả bằng tiền mặt cho bà S tại trại tôm giống S, cầu T nhưng phía bà S không thừa nhận và bà L cũng không đưa ra được chứng cứ văn bản và nhân chứng để chứng minh bà S nhận tiền, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với các khoản tiền vay còn lại gồm 4 biên nhận vay ngày 3/4/2021, 6/4/2021, 9/4/2021 và 13/4/2021 (bút lục 3,4,5,6) phía bà L trình bày đã trả tiền mặt cho bà S và bà S có đánh chữ Rồi và chữ R vào biên nhận, Tòa án cấp sơ thẩm đã giám định chữ của bà S nhưng kết luận không đủ cơ sở kết luận. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Tòa án đã thực hiện việc giám định tại Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của bà S, bản kết luận giám định số 2678/KL-KTHS ngày 11/7/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: " *1. Chữ viết bằng mực màu đỏ cần giám định trên các tài liệu ký hiệu A1 đến A4 so với chữ viết mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M7 la do cùng một người viết ra.* "; " *2. Chũ viết bằng mực màu đỏ nội dung :"Rồi" trên tài liệu ký hiệu A3 so với chữ viết bằng mực màu đỏ cần giám định còn lại trên các tài liệu ký hiệu từ A1 đến A4 không được viết ra từ một cây bút".* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bà L cũng trình bày thừa nhận sau khi viết biên nhận vay tiền của bà S phía bà L có mượn lại giấy biên nhận bà S giữ để ghi vào bằng chữ viết màu đỏ. Như vậy, theo lời khai của bà L tại các phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà trình bày các biên nhận tiền là do bà S giữ, bà L không có giữ và chữ ghi "R", "Rồi" trong các biên nhận (bút lục 3 đến bút lục 6) là do bà S ghi, nhưng theo kết quả giám định thì các chữ viết bằng mực màu đỏ cần giám định trong các biên nhận nêu trên so với mẫu chữ viết của bà L ký hiệu từ M1 đến M 7 là do cùng một người viết ra, như vậy sau khi vay và viết biên nhận nợ một thời gian phía bà L có lấy lại biên nhận của bà S và viết vào biên nhận

bao gồm cả chữ "R", "Rồi" theo như bà S trình bày là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà L trả các khoản nợ theo các biên nhận nêu trên là hoàn toàn phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp sự thật khách quan của vụ án, nên không có cơ sở chứng cứ và pháp lý chấp nhận nội dung kháng cáo của bà L.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà L, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà L phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, do nội dung kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Ngọc L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S về việc yêu cầu ông Trần Tấn L1 liên đới thanh toán nợ vay.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S, buộc bà Trương Thị Ngọc L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị S số tiền vay gốc 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S không yêu cầu tính lãi.

4. Về chi phí giám định: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S chịu chi phí là 300.000 đồng theo biên nhận ngày 12/8/2022 của Phòng K Công an tỉnh K về tiền bồi dưỡng giám định, bà S đã nộp xong nên không phải nộp thêm. Chi phí giám định tại giai đoạn xét xử phúc thẩm phía bà S tự nguyện nộp và đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Ngọc L phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

Trả lại cho bà Phan Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.500.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000375 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Ngọc L phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000715 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Hà Tiên;
- CCTHADS Tp. Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn